

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 54

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") của Công ty đã giảm xuống còn 40,29% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HNG và số lượng thành viên trong Hội đồng Quản trị của HNG, đại diện cho Công ty, vẫn đang chiếm 3 thành viên trên tổng số 6 thành viên tại ngày này. Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 10 tháng 4 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

Số tham chiếu: 60752790/22005858

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 10 tháng 4 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 1.028.431.519 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 6.678.268.588 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 31 của báo cáo tài chính tổng hợp, trình bày việc Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp để sửa chữa sai sót của những năm trước.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4139-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.480.020.883	3.756.642.744
110	I. Tiền		18.717.492	116.834.469
111	1. Tiền	5	18.717.492	116.834.469
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.432.812.503	3.617.109.674
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	467.532.255	416.053.861
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	290.649.046	276.537.115
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.695.370.576	4.087.575.874
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	884.586.489	977.915.535
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8, 9	(1.905.325.863)	(2.140.972.711)
140	III. Hàng tồn kho	10	23.063.944	16.769.562
141	1. Hàng tồn kho		23.063.944	17.043.880
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(274.318)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.426.944	5.929.039
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		275.394	429.859
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.967.635	1.776.848
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.183.915	3.722.332
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.336.186.802	13.430.637.398
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.707.316.687	6.535.694.516
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	2.591.677.765	8.838.255.230
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	118.108.279	903.779.309
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(2.469.357)	(3.206.340.023)
220	II. Tài sản cố định		186.932.639	197.156.679
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	160.372.389	169.314.359
222	Nguyên giá		289.436.944	290.309.443
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(129.064.555)	(120.995.084)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	26.560.250	27.842.320
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.889.902)	(12.607.832)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	65.237.146	67.867.999
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(8.838.685)	(6.207.832)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11.355.948	9.752.230
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.355.948	9.752.230
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	8.354.085.245	6.609.511.112
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.418.504.194	6.656.151.071
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.360.041	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(76.778.990)	(59.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.259.137	10.654.862
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	11.235.076	10.654.862
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.2	24.061	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.816.207.685	17.187.280.142

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.676.729.356	10.019.370.294
310	I. Nợ ngắn hạn		2.417.473.192	1.536.353.671
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	114.348.264	58.205.395
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	16.234.635	2.604.811
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.544.356	4.998.774
314	4. Phải trả người lao động		11.475.806	11.983.333
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.344.093.841	823.460.958
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		409.091	60.667
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	250.390.699	188.305.098
320	8. Vay ngắn hạn	21	678.872.990	446.631.125
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		7.259.256.164	8.483.016.623
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	817.366.279	1.139.729.876
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	7.666.626	292.666.626
338	3. Vay dài hạn	21	6.428.613.238	7.044.687.161
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.2	-	322.939
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.610.021	5.610.021
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.139.478.329	7.167.909.848
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	6.139.478.329	7.167.909.848
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lỗ lũy kế		(6.678.268.588)	(5.649.837.069)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(5.649.837.069)	(4.795.545.136)
421b	- Lỗ trong năm		(1.028.431.519)	(854.291.933)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.816.207.685	17.187.280.142

Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	376.925.022	100.734.787
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(13.318.930)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	363.606.092	100.734.787
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(334.486.271)	(93.104.304)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.119.821	7.630.483
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	867.189.161	1.773.261.043
22	7. Chi phí tài chính	25	(796.423.607)	(2.075.009.756)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(759.605.140)	(914.705.236)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(33.525.809)	(4.564.764)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(1.049.008.242)	(631.919.414)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(982.648.676)	(930.602.408)
31	11. Thu nhập khác	27	1.974.266	3.215.928
32	12. (Chi phí)/hoàn nhập chi phí khác	27	(48.104.109)	73.877.268
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	27	(46.129.843)	77.093.196
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.028.778.519)	(853.509.212)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	-
52	16. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	28.2	347.000	(782.721)
60	17. Lỗ sau thuế TNDN		(1.028.431.519)	(854.291.933)


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ kế toán trước thuế		(1.028.778.519)	(853.509.212)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	11, 12, 13	14.125.334	14.537.673
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		1.038.514.831	(191.704.012)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.125.772	(331.467)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	23.2, 27	(865.972.444)	134.054.019
06	Chi phí lãi vay	25	759.605.140	914.705.236
07	Các điều chỉnh khác	25	16.172.109	17.989.667
08	(Lỗ)/lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(64.207.777)	35.741.904
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		970.048.282	(892.813.900)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(6.020.064)	43.928.368
11	Giảm các khoản phải trả		(151.288.804)	(1.262.722.979)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(425.749)	285.331
14	Tiền lãi vay và lãi HĐHTKD đã trả		(583.984.978)	(728.189.479)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1.236.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		164.120.910	(2.805.006.755)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(1.863.567)	(252.850)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		-	24.105.154
23	Tiền chi cho vay		(1.419.765.358)	(5.972.088.587)
24	Tiền thu hồi cho vay		990.258.291	4.828.959.104
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		98.489.000	5.452.581.129
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		464.131.973	861.335.320
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		131.250.339	5.194.639.270

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	121.540.283	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(515.028.509)	(2.485.516.165)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(393.488.226)	(2.485.516.165)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(98.116.977)	(95.883.650)
60	Tiền đầu năm		116.834.469	212.718.119
70	Tiền cuối năm	5	18.717.492	116.834.469


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Lĩnh vực nông nghiệp			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	40,29
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	40,29
(3) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	40,29
(4) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	40,23
(5) Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	40,23
(6) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	40,29
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29
(9) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29

(*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") của Công ty đã giảm xuống còn 40,29% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HNG và số lượng thành viên trong Hội đồng Quản trị của HNG, đại diện cho Công ty, chiếm 3 thành viên trên tổng số 6 thành viên tại ngày này. Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(10) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	40,29
(12) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	40,29
(13) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	78,22
(14) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	78,22
(15) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Champasak, Lào	Đang hoạt động	78,22
(16) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(17) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00
(18) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(19) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (I)	100,00
(20) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	40,29
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

- (i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 183 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 219).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 10 tháng 4 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 1.028.431.519 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 6.678.268.588 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 21 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Ngoài ra, vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, công ty con của Công ty, đã tiến hành Đại Hội Cổ đông Bất thường nhằm thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải để hoán đổi các khoản nợ phải trả, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn hoạt động (Thuyết minh số 33). Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp :

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Ngàn VND	
Tiền mặt	673.251	748.795
Tiền gửi ngân hàng	18.044.241	116.085.674
TỔNG CỘNG	18.717.492	116.834.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN (tiếp theo)

Các thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp:

Ngàn VND

Năm nay

Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu đã được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

Góp vốn vào công ty con bằng hình thức chuyển đổi từ giá trị thuần của các khoản phải thu (Thuyết minh "TM" số 14.1) 1.822.042.563

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	261.776.000	275.065.000
Trong đó:		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	176.576.000	249.045.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	-	26.020.000
- Phải thu khác	85.200.000	-
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.049.889	76.717.582
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	50.978.125	34.140.817
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	29.364.106	26.323.777
Phải thu tiền bán căn hộ	1.364.135	3.806.685
TỔNG CỘNG	467.532.255	416.053.861
Dự phòng phải thu khó đòi	(8.579.854)	(24.654.386)
GIÁ TRỊ THUẦN	458.952.401	391.399.475
Trong đó:		
Phải thu các bên thứ ba	307.950.268	287.937.915
Phải thu các bên liên quan (TM số 29)	159.581.987	128.115.946

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
Số đầu năm	24.654.386	12.232.129
Cộng: Dự phòng lập trong năm	-	16.550.050
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(288.979)	(4.127.793)
Trừ: Giảm do mua công ty con	(15.785.553)	-
Số cuối năm	<u>8.579.854</u>	<u>24.654.386</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	290.649.046	276.537.115
Trong đó:		
Trả trước cho bên liên quan (TM số 29)	286.841.877	268.265.107
Trả trước cho các bên thứ ba	3.807.169	8.272.008

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29) (i)	4.532.763.528	3.930.680.511
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	162.607.048	156.895.363
	<u>4.695.370.576</u>	<u>4.087.575.874</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 29) (i)	2.573.947.288	8.777.568.963
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	500.000	43.380.907
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	17.230.477	17.305.360
	<u>2.591.677.765</u>	<u>8.838.255.230</u>
TỔNG CỘNG	7.287.048.341	12.925.831.104
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(1.748.914.571)	(4.447.830.498)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.538.133.770	8.478.000.606

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
Số đầu năm	4.447.830.498	4.575.037.707
Cộng: Dự phòng lập trong năm	1.121.998.712	308.667.228
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong năm	(309.523.936)	-
Trừ: Giảm do mua công ty con	(3.511.390.703)	(435.874.437)
Số cuối năm	<u>1.748.914.571</u>	<u>4.447.830.498</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	1.748.914.571	1.959.639.493
Dài hạn	-	2.488.191.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 8,00% đến 12,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 10,50% đến 13,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cân trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc đầu năm (USD)	748.826	648.826
Tăng trong năm (USD)	-	100.000
Nợ gốc cuối năm (USD)	748.826	748.826
Nợ gốc cuối năm (Ngàn VND)	17.230.477	17.305.360

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	711.029.198	789.679.663
Phải thu lãi cho vay	152.642.354	180.568.798
Tạm ứng cho nhân viên	18.081.410	4.806.834
Phải thu khác	2.833.527	2.860.240
	884.586.489	977.915.535
Dài hạn		
Phải thu lãi cho vay	115.741.438	901.412.468
Phải thu khác	2.366.841	2.366.841
	118.108.279	903.779.309
TỔNG CỘNG	1.002.694.768	1.881.694.844
Dự phòng phải thu khó đòi	(150.300.795)	(874.827.850)
GIÁ TRỊ THUẦN	852.393.973	1.006.866.994
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29)	809.182.797	914.171.184
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 29)	115.557.606	901.001.458
Phải thu các bên thứ ba	77.954.365	66.522.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
Số đầu năm	874.827.850	195.804.022
Cộng: Dự phòng lập trong năm	30.265.958	679.023.828
Trừ: Giảm do mua công ty con	(516.394.180)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(131.239.850)	-
Trừ: Xóa sổ dự phòng lập trong năm	(107.158.983)	-
Số cuối năm	150.300.795	874.827.850
Trong đó:		
Ngắn hạn	147.831.438	156.678.832
Dài hạn	2.469.357	718.149.018

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Nguyên vật liệu	9.650.843	7.957.278
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.595.095	5.620.728
Công cụ, dụng cụ	5.381.176	1.785.064
Hàng hóa	2.378.495	1.622.474
Thành phẩm	58.335	58.336
TỔNG CỘNG	23.063.944	17.043.880
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(274.318)
GIÁ TRỊ THUẦN	23.063.944	16.769.562

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	274.318	274.318
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong năm	(274.318)	-
Số cuối năm	-	274.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	227.116.932	19.211.624	34.119.845	3.063.542	6.689.440	108.060	290.309.443
Mua mới trong năm	562.256	145.641	448.335	114.209	-	-	1.270.441
Xoá sổ trong năm	-	-	(2.142.940)	-	-	-	(2.142.940)
Số cuối năm	227.679.188	19.357.265	32.425.240	3.177.751	6.689.440	108.060	289.436.944
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	667.415	7.653.038	13.576.949	2.411.166	6.689.440	108.060	31.106.068
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(67.983.116)	(16.938.310)	(26.366.546)	(2.923.119)	(6.689.440)	(94.553)	(120.995.084)
Khấu hao trong năm	(6.920.356)	(1.216.225)	(1.988.680)	(73.643)	-	(13.507)	(10.212.411)
Xoá sổ trong năm	-	-	2.142.940	-	-	-	2.142.940
Số cuối năm	(74.903.472)	(18.154.535)	(26.212.286)	(2.996.762)	(6.689.440)	(108.060)	(129.064.555)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	159.133.816	2.273.314	7.753.299	140.423	-	13.507	169.314.359
Số cuối năm	152.775.716	1.202.730	6.212.954	180.989	-	-	160.372.389
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 21.1)	104.501.006	-	6.139.725	-	-	-	110.640.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Ngân VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	25.278.179	15.171.973	40.450.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(12.607.832)	(12.607.832)
Hao mòn trong năm	-	(1.282.070)	(1.282.070)
Số cuối năm	-	(13.889.902)	(13.889.902)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.278.179	2.564.141	27.842.320
Số cuối năm	25.278.179	1.282.071	26.560.250
Trong đó:			
<i>Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 21.1)</i>	25.278.179	-	25.278.179

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Ngân VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	(2.957.577)	(3.250.255)	(6.207.832)
Khấu hao trong năm	(739.394)	(1.891.459)	(2.630.853)
Số cuối năm	(3.696.971)	(5.141.714)	(8.838.685)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.114.445	43.753.554	67.867.999
Số cuối năm	23.375.051	41.862.095	65.237.146
Trong đó:			
<i>Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 21.1)</i>	23.375.051	41.862.095	65.237.146

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.884.188	3.366.332
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.630.853	1.239.432

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên các ước tính hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (TM số 14.1)	8.418.504.194	6.656.151.071
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2)	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 14.3)	7.360.041	7.360.041
TỔNG CỘNG	8.430.864.235	6.668.511.112
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(76.778.990)	(59.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	8.354.085.245	6.609.511.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	40,29	4.443.536.641	-	40,83	4.503.226.081	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (**)	Chăn nuôi và trồng trọt	88,03	1.822.042.563	-	-	-	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Nông nghiệp	78,22	1.977.146.000	-	78,22	1.977.146.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	-
TỔNG CỘNG			8.418.504.194	(76.778.990)		6.656.151.071	(59.000.000)

(*) Trong năm, Công ty đã bán 6.000.000 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 40,83% xuống còn 40,29%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(**) Vào ngày 10 tháng 9 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai") thành khoản đầu tư tương đương với 586.561.300 cổ phần hay 88,03% tỷ lệ sở hữu trong Công ty này theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 2006/20/NQĐHCĐ-HAGL ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1009/20/NQHĐQT-HAGL ngày 10 tháng 9 năm 2020. Theo đó, Chăn nuôi Gia Lai trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900988952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại là chăn nuôi và trồng trọt.

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000

14.3 Đầu tư vào các công ty khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			7.360.041		7.360.041

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	8.609.091	8.880.515
Công cụ, dụng cụ	1.653.762	679.080
Chi phí trả trước khác	972.223	1.095.267
TỔNG CỘNG	11.235.076	10.654.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	113.677.123	57.448.357
Phải trả khác	671.141	757.038
TỔNG CỘNG	114.348.264	58.205.395
Trong đó:		
Phải trả cho các bên thứ ba	72.817.744	30.221.256
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 29)	41.530.520	27.984.139

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ứng trước của khách hàng thương mại	9.801.676	1.676.726
Nhận ứng trước của khách hàng dịch vụ xây dựng	6.432.959	410.201
Nhận ứng trước của khách hàng mua căn hộ	-	517.884
TỔNG CỘNG	16.234.635	2.604.811
Trong đó:		
Ứng trước từ các bên liên quan (TM số 29)	15.073.046	772.641
Ứng trước từ các bên thứ ba	1.161.589	1.832.170

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	2.304.646	3.443.508	(4.440.092)	1.308.062
Thuế giá trị gia tăng	517.692	1.743.656	(2.093.008)	168.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.230	-	-	65.230
Khác	2.111.206	456.871	(2.565.353)	2.724
TỔNG CỘNG	4.998.774	5.644.035	(9.098.453)	1.544.356

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	1.320.191.343	794.816.138
Chi phí phát hành trái phiếu	15.908.108	21.414.660
Chi phí hoạt động	4.108.660	7.230.160
Chi phí lãi HĐHTKD	3.885.730	-
	1.344.093.841	823.460.958
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	817.366.279	1.139.729.876
TỔNG CỘNG	2.161.460.120	1.963.190.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (i)	104.112.630	36.000.000
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (ii)	99.199.471	80.347.526
Phải trả do thu hộ	43.409.187	49.757.784
Chi phí lãi HĐHTKD (iii)	-	17.989.667
Khác	3.669.411	4.210.121
	<u>250.390.699</u>	<u>188.305.098</u>
Dài hạn		
Phải trả do thu hộ	7.666.626	7.666.626
Phải trả về HĐHTKD (i)	-	285.000.000
	<u>7.666.626</u>	<u>292.666.626</u>
TỔNG CỘNG	<u>258.057.325</u>	<u>480.971.724</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29)	141.701.244	123.209.705
Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 29)	-	285.000.000
Phải trả các bên thứ ba	116.356.081	72.762.019
(i) Khoản này thể hiện phần vốn góp từ các cá nhân theo các HĐHTKD ký ngày 24 tháng 9 năm 2018 và ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn quả của Công ty. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn 12,00% trên tổng số tiền đầu tư với thời hạn hợp tác là sáu (6) tháng hoặc ba (3) năm kể từ ngày hợp đồng.		
(ii) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.		
(iii) Khoản này thể hiện khoản lợi nhuận phải trả cho các cá nhân liên quan đến các HĐHTKD như đã đề cập ở (i).		

21. VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (TM số 21.1)	625.730.091	120.000.000
Vay ngắn hạn khác (TM số 21.2)	53.142.899	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	-	326.631.125
	<u>678.872.990</u>	<u>446.631.125</u>
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường dài hạn (TM số 21.1)	6.428.613.238	7.044.687.161
TỔNG CỘNG	<u>7.107.486.228</u>	<u>7.491.318.286</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) các khoản vay trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Số đầu năm	446.631.125	7.044.687.161	7.491.318.286
Vay mới trong năm	121.540.283	-	121.540.283
Trả nợ gốc vay trong năm	(515.028.509)	-	(515.028.509)
Vay dài hạn đến hạn trả	630.000.000	(630.000.000)	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.269.909)	13.926.077	9.656.168
Số cuối năm	<u>678.872.990</u>	<u>6.428.613.238</u>	<u>7.107.486.228</u>

21.1 Trái phiếu thường dài hạn

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tổ chức thu xếp phát hành		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia) ("HDBS")	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	-	120.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(51.656.671)	(61.312.839)
TỔNG CỘNG	<u>7.054.343.329</u>	<u>7.164.687.161</u>
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	6.428.613.238	7.044.687.161
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	625.730.091	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 13)
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2020: 9,50 - 9,80)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su); 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha (đã trồng 7.102 ha cọ dầu) tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức.
Chi phí phát hành trái phiếu		(45.868.883)				
TỔNG CỘNG		5.830.131.117				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		5.512.629.082				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		317.502.035				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế trồng là 4.486 ha, thấp hơn so với cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 4.852,74 ha và diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế trồng là 5.233 ha, thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 7.102 ha. Cũng tại ngày này, Công ty cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải nộp đã đến hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với tổng giá trị là 1.150.310.989 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
HDBS	HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai (*)	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng chi phí vốn VND mười hai (12) tháng của HD Bank cộng với biên độ 3,50 (2020: 12,57)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	172.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
ACBS	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (**)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2020: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Chi phí phát hành trái phiếu		(5.787.788)				
TỔNG CỘNG		1.224.212.212				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		915.984.156				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		308.228.056				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại HNG là 40,29% thấp hơn quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG tối thiểu là 51%.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, hệ số thanh toán hiện hành của Công ty đang nhỏ hơn một (1), thấp hơn trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là hệ số thanh toán hiện hành phải lớn hơn một (1).

Ngoài ra, vào ngày 26 tháng 10 năm 2020, Công ty cổ phần BCG Land Gateway đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ Quyền sở hữu 3.000.000 trái phiếu của công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai cho Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên theo Hợp đồng số 2610/HAGLBOND/BCGL GATEWAY-DVNNTN ngày 26 tháng 10 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay ngắn hạn khác

Công ty vay ngắn hạn từ các bên khác nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

<i>Tên đối tượng</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ông Dương Thành Trung (*)	43.900.451	Ngày 8 tháng 9 năm 2020	13,00	7.700.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink (**)	9.242.448	Ngày 7 tháng 7 năm 2020	14,75	3.300.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty
TỔNG CỘNG	<u>53.142.899</u>			

(*) Vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, Công ty đã thanh toán khoản vay đến hạn trên.

(**) Vào ngày 4 tháng 1 năm 2021, Công ty đã thanh toán khoản vay đến hạn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm						
(Trình bày lại - Thuyết minh số 31)	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(4.794.309.136)	8.023.437.781
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(854.291.933)	(854.291.933)
Trích thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	(1.236.000)	(1.236.000)
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(5.649.837.069)	7.167.909.848
(Trình bày lại - Thuyết minh số 31)	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(5.649.837.069)	7.167.909.848
Năm nay						
Số đầu năm						
(Trình bày lại - Thuyết minh số 31)	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(5.649.837.069)	7.167.909.848
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(1.028.431.519)	(1.028.431.519)
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(6.678.268.588)	6.139.478.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283
Cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	376.925.022	100.734.787
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	209.610.275	14.669.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.792.583	63.838.764
Doanh thu bán hàng hóa	80.522.164	22.226.703
Khoản giảm trừ	(13.318.930)	-
Giảm giá hàng bán	(13.318.930)	-
Doanh thu thuần	363.606.092	100.734.787
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	196.291.344	14.669.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.792.583	63.838.764
Doanh thu bán hàng hóa	80.522.165	22.226.703
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan	153.277.069	58.183.306
Doanh thu từ bên khác	210.329.023	42.551.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	840.461.884	1.104.878.372
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	25.510.560	655.921.355
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.216.717	501.337
Thu nhập cổ tức	-	11.959.979
TỔNG CỘNG	867.189.161	1.773.261.043
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 29)	849.701.554	1.103.538.366
Doanh thu từ bên liên quan	17.487.607	669.722.677

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn bán trái cây	185.843.370	14.194.259
Giá vốn dịch vụ cung cấp	75.628.957	55.007.691
Giá vốn hàng hóa đã bán	73.013.944	23.902.354
TỔNG CỘNG	334.486.271	93.104.304

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí lãi vay	759.605.140	914.705.236
Dự phòng đầu tư vào công ty con	17.778.990	-
Chi phí lãi HĐHTKD	16.172.109	17.989.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.867.368	436.666
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	1.141.878.187
TỔNG CỘNG	796.423.607	2.075.009.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.363.586	3.600.730
Chi phí lương nhân viên	886.805	876.058
Chi phí bán hàng khác	1.275.418	87.976
	<u>33.525.809</u>	<u>4.564.764</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí dự phòng	989.021.175	564.238.898
Chi phí lương nhân viên	34.187.290	35.556.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.977.996	16.128.921
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.052.386	7.401.429
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.769.395	8.593.828
	<u>1.049.008.242</u>	<u>631.919.414</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.082.534.051</u>	<u>636.484.178</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	<u>1.974.266</u>	<u>3.215.928</u>
Chi phí khác		
Xóa sổ công nợ	31.714.666	-
Các khoản phạt	12.441.060	40.517.652
Xóa sổ tài sản	-	16.824.254
Lỗi thanh lý tài sản	-	8.992.631
Hoàn nhập dự phòng (*)	-	(142.895.860)
Chi phí khác	<u>3.948.383</u>	<u>2.684.055</u>
	<u>48.104.109</u>	<u>(73.877.268)</u>
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC	<u>(46.129.843)</u>	<u>77.093.196</u>

(*) Số tiền này thể hiện việc ghi nhận giảm chi phí do việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 được tạm trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(347.000)	782.721
TỔNG CỘNG	(347.000)	782.721

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) của năm hiện tại và năm trước. Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) khác với lợi nhuận/(lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và lợi nhuận/(lỗ) tính thuế:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31)
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(1.028.778.519)	(853.509.212)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	1.045.217.476	433.845.632
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.885.903	(85.811)
Thu nhập cổ tức	-	(11.959.979)
Khác	6.288.895	-
Lợi nhuận/(lỗ) tính thuế ước tính trong năm hiện hành	24.613.755	(431.709.370)
Lỗ năm trước chuyển sang	(24.613.755)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	65.230	65.230
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm (TM số 18)	65.230	65.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại/(thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	
			Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	473.444	503.625	(30.181)	(765.558)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(449.383)	(826.564)	377.181	(17.163)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Thuế thu nhập hoãn lại phải trả) thuần	24.061	(322.939)		
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại			347.000	(782.721)

28.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 759.372.286 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 783.986.041 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Ngàn VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
2017	2022	321.978.808	(24.613.755)	- 297.365.053
2018	2023	78.379.982	-	- 78.379.982
2019	2024	383.627.251	-	- 383.627.251
TỔNG CỘNG		783.986.041	(24.613.755)	- 759.372.286

(*) Lỗ tính thuế đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Góp vốn bằng khoản phải thu Lãi cho vay Cho vay Bán hàng hóa	1.822.042.563 238.112.660 149.794.154 130.807.275	- 439.112.672 1.018.678.321 13.585.096
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay	439.321.000 46.333.985	447.649.725 -
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cho vay Chuyển nhượng phần vốn góp	293.053.596 266.578.296 -	258.230.038 3.009.300.660 262.500.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Mua hàng hóa Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cho vay	199.093.206 19.233.392 21.574.891 -	200.398.547 40.883.560 38.396.291 1.282.148.420
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	34.604.389	85.008.029
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Thanh lý tài sản cố định Cho vay	22.292.669 - -	22.231.760 6.725.275 95.209.929
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Lãi cho vay Cần trừ công nợ Tạm ứng mua hàng hóa	21.092.520 4.058.590 - - -	- - 144.317.961 220.160.667
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	19.383.000	16.596.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.579.249 4.276.902	- -
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.953.036	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn Chi phí lãi HĐHTKD	7.005.607 6.511.106	20.120.000 -
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Chi phí lãi HĐHTKD HĐHTKD	5.538.779 -	- 36.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà máy nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.682.948	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT	Chi phí lãi HĐHTKD	4.122.224	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	28.380.641	9.766.573
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa quả	Công ty con	Thanh lý TSCĐ	26.283.627	26.323.777
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	12.323.541	-
		Bán hàng hóa	7.115.198	14.934.825
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	17.022.884	12.816.181
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.932.702	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.240.221	15.785.553
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.471.281	1.562.169
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà máy nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.444.663	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.702.319	4.583.442
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	7.140.477
Các công ty khác	Công ty liên quan	Các khoản khác	567.252	2.105.291
			159.581.987	128.115.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngân VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877	268.265.107
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8) (*)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	3.644.498.048	857.847.971
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	737.585.456	1.877.207.456
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	86.936.725	86.936.725
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	49.900.701	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Cho vay	8.907.530	1.068.890.232
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	3.000.000	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	1.811.406	16.742.127
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	123.662	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	-	20.120.000
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Cho vay	-	1.636.000
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con (cho đến 24 tháng 12 năm 2020)	Cho vay	-	1.300.000
			4.532.763.528	3.930.680.511

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả trong năm 2021 với lãi suất trung bình từ 8,00% đến 12,50%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8) (*)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	1.301.191.816	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	726.305.996	3.216.487.778
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	198.827.184	358.538.725
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Cho vay	124.182.000	4.127.769.426
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	107.459.985	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	15.980.307	649.106.397
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	-	275.765.936
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	-	49.900.701
			2.573.947.288	8.777.568.963

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ năm 2022 đến năm 2023 với lãi suất trung bình từ 10,50% đến 13,00%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2020, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	534.708.112 15.147.635	535.273.729 -
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	112.367.032	10.355.825
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn Khác	65.490.397 26.121	65.612.443 23.261
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Chi trả hộ Lãi cho vay	56.879.963 -	10.576.290 19.711.031
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	22.873.208 -	12.780.538 2.192.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	-	107.926.999
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	- -	99.469.183 5.151.875
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	-	27.165.722
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	-	16.049.756
Các bên khác	Bên liên quan	Khác	1.690.329	1.882.532
			809.182.797	914.171.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)					
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	45.411.741	-	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	29.854.077	17.654.077	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	21.999.386	-	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	10.499.762	-	
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.805.684	230.927.298	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Lãi cho vay	1.425.567	486.106.860	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	-	154.362.922	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	-	11.089.045	
Các công ty khác	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.561.389	861.256	
			115.557.606	901.001.458	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 16)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	17.495.005	1.950.572
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Mua hàng hóa	12.792.908	2.295.863
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	5.921.864	22.887.524
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	5.320.743	850.180
			41.530.520	27.984.139
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 17)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	8.640.087	-
		Nhận ứng trước hợp đồng xây dựng	6.432.959	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	-	772.641
			15.073.046	772.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 20)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD	100.000.000	-
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	9.966.667
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	9.408.242	9.408.242
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	HĐHTKD	4.112.630	36.000.000
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	1.488.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	1.812.809	1.812.809
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tạm	594.335	7.422.950
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Bên liên quan	Mượn tạm	-	15.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Chi phí lãi HĐHTKD	-	6.535.000
Ông Nguyễn Anh Hòa	Bên liên quan	Mượn tạm	-	10.000.000
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	3.003.478	2.806.287
			141.701.244	123.209.705
Phải trả dài hạn khác (TM số 20)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD	-	180.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	HĐHTKD	-	105.000.000
			-	285.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.482.728	2.478.528
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	2.077.893	2.071.428
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.326.582	1.295.777
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.308.936	1.367.756
Các cá nhân khác		1.304.400	1.358.400
TỔNG CỘNG		8.500.539	8.571.889

(*) Bao gồm tiền lương và các khoản thù lao khác.

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	34.329.296	35.634.684
TỔNG CỘNG	40.838.406	42.143.794

Cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đang cầm cố 4.999.000 cổ phiếu của Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam, công ty con, để đảm bảo cho khoản vay của THAGRICO tại Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn.

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty và Bá Thước đang trong quá trình làm việc với BIDV để xác định khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến khoản Bảo lãnh trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Trong năm 2020, do các ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19 tới nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các đối tác nói riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện rà soát lại khả năng thu hồi của các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày từ các năm tài chính trước đây. Theo đó, căn cứ vào các khoản lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đối tác và các khó khăn nói chung trong ngành nông nghiệp đã phát sinh từ những năm trước, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét lại cơ cấu tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu tồn đọng và thu thập thêm các thông tin quá khứ về khả năng thanh toán của các đối tác mà trước đây chưa thể thu thập được do các giới hạn về thời gian và nguồn nhân lực, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy việc ước tính khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu tồn đọng lâu ngày tại thời điểm lập báo cáo tài chính các năm trước chưa phản ánh đầy đủ rủi ro tổn thất của các khoản phải thu này. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh lại dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm 2020 liên quan đến dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi lớn trong quá khứ với chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Dự phòng phải thu ngắn hạn			
khó đòi	(157.805.811)	(1.983.166.900)	(2.140.972.711)
Dự phòng phải thu dài hạn			
khó đòi	(276.880.796)	(2.929.459.227)	(3.206.340.023)
Lỗi lũy kế	(737.210.940)	(4.912.626.129)	(5.649.837.069)
Trong đó:			
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	(23.715.240)	(4.771.829.896)	(4.795.545.136)
- Lỗi năm nay	(713.495.700)	(140.796.233)	(854.291.933)
	Năm nay (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Năm nay (trình bày lại)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(491.123.181)	(140.796.233)	(631.919.414)
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(712.712.979)	(140.796.233)	(853.509.212)
Lỗ sau thuế TNDN	(713.495.700)	(140.796.233)	(854.291.933)
	Năm nay (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Năm nay (trình bày lại)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Lỗ kế toán trước thuế	(712.712.979)	(140.796.233)	(853.509.212)
Hoàn nhập dự phòng	(332.500.245)	140.796.233	(191.704.012)

32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thẻ Thao Hoàng Anh Gia Lai	412.962.919	-
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	3.720.000	-
TỔNG CỘNG	416.682.919	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") đã thông qua Nghị quyết số 0601/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc chuyển nhượng thêm các công ty con của Tập đoàn bao gồm Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam, Bò sữa Tây Nguyên và Hoàng Anh Đắk Lắk cho THAGRICO. Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã ký các hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp với THAGRICO, và đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để hoàn tất việc chuyển nhượng nói trên.

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") đã tiến hành Đại Hội Cổ đông Bất thường nhằm thông qua Nghị Quyết Số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO") để hoán đổi các khoản nợ phải trả, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn hoạt động của HNG. Vốn cổ phần của HNG theo đó sẽ tăng từ 11.085.538.950 ngàn VND lên thành 18.500.000.000 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Hội đồng Quản trị HNG đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ông Đoàn Nguyên Đức, đại diện của Công ty trong HNG, và bầu Ông Trần Bá Dương, đại diện của THAGRICO trong HNG, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo đó, căn cứ các quy định hiện hành, HNG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Vào ngày 22 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 47.500.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 40,29% xuống còn 36,55%.

Vào ngày 2 tháng 3 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 75.500.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 36,55% xuống còn 29,78%.

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2021, Công ty đã đăng ký việc chuyển nhượng 80.000.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG sẽ giảm từ 29,78% xuống còn 22,57%.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, Công ty đã mua thêm 4,45% phần vốn góp trong Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi ("Hưng Thắng Lợi"), công ty con của Công ty, từ cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Hưng Thắng Lợi sẽ tăng từ 78,22% lên 82,67%.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021